

Bản án số: 478/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhung.
2. Bà Bùi Quang Việt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 906/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 2752/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: 292/10 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Dang, S, sinh năm 1960; Quốc tịch: HK; Địa chỉ: 4823 Rebecca St NE Salem, Oregon 97305, USA (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, bản tự khai ngày 07/5/2019 của nguyên đơn Bà Lê Thị Huỳnh T trình bày:

Bà và Ông Dang, S tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 166 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung được 01 tháng. Trong quá trình sống chung giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến tháng 6/2018 Ông Dang, S trở về HK sinh sống và làm việc, còn bà vẫn sống ở Việt Nam. Thời gian đầu hai vợ chồng vẫn liên lạc với nhau chủ yếu qua điện thoại, đến tháng 8/2018 thì Ông Dang, S cắt liên lạc với bà. Bà đã cố gắng liên lạc với Ông Dang, S nhưng không được. Nay nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Dang, S để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Lê Thị Huỳnh T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Huỳnh T khai không có.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 242/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền Hợp chúng quốc HK thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử vụ án đối với Ông Dang, S.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được công văn số 3169/CH-BTP ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc HK không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, Bà Lê Thị Huỳnh T có đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Hợp chúng quốc HK về thông tin vụ án ly hôn, thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử.

Ngày 04/11/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 817/TAND-CV gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc HK đề nghị niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại HK và thông báo tố tụng về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của Quý cơ quan, theo đó thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 12 năm 2019, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 01 năm 2020 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 17 tháng 3 năm 2020, xét xử công khai lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 17 tháng 4 năm 2020.

Ngày 11/02/2020, Đại sứ quán Việt Nam tại HK có công văn số 6/BC-UTTP thông báo kết quả tổng đạt văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án, theo đó, Đại sứ quán Việt Nam tại HK đã gửi thông báo và hồ sơ cho Ông Dang, S theo địa chỉ Tòa án cung cấp, đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán kể từ ngày 10/01/2020 nhưng không có hồi âm từ đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 01/4/2020, Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà do bà bận công việc không sắp xếp được thời gian để tham gia trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn Ông Dang, S đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Ông Dang, S không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Huỳnh T được ly hôn với Ông Dang, S. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Huỳnh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Ông Dang, S. Bị đơn hiện đang cư trú tại 4823 Rebecca St NE Salem, Oregon 97305, USA. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 166 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2018 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Huỳnh T và Ông Dang, S là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của Bà T khai sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung được 01 tháng. Trong quá trình sống chung giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến tháng 6/2018 Ông Dang, S trở về HK sinh sống và làm việc, còn bà vẫn sống ở Việt

Nam. Thời gian đầu hai vợ chồng vẫn liên lạc với nhau chủ yếu qua điện thoại, đến tháng 8/2018 thì Ông Dang, S cắt liên lạc với bà. Bà đã cố gắng liên lạc với Ông Dang, S nhưng không được. Tòa án cũng đã thực hiện ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc HK tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thời gian hòa giải, xét xử cho Ông Dang, S nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại HK và thông báo tổ tụng về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử vẫn không được Ông Dang, S trả lời hay có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân của ông và Bà T qua đó cho thấy Ông Dang, S không còn quan tâm tới mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng Bà T và Ông Dang, S mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị Huỳnh T khai không có.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Huỳnh T khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015183 ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà T đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Dang, S thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Huỳnh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huỳnh T được ly hôn với Ông Dang, S.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 166 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2018 cho Bà Lê Thị Huỳnh T và Ông Dang, S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Lê Thị Huỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015183 ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà T đã nộp đủ.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Lê Thị Huỳnh T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Dang, S thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND quận B, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Khánh**

